

KẾ HOẠCH
PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN NĂM 2022

Phần I: MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

- Chủ động trong công tác phòng, chống, ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn huyện.

- Đảm bảo các hoạt động chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho nhân dân; bảo vệ an toàn tính mạng của người dân; hạn chế thấp nhất thiệt hại về tài sản khi xảy ra thiên tai.

2. Yêu cầu:

- Quán triệt và thực hiện có hiệu quả phương châm “bốn tại chỗ” (Chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; vật tư, phương tiện và kinh phí tại chỗ; hậu cần tại chỗ) và “ba sẵn sàng” (Chủ động phòng tránh; ứng phó kịp thời; khắc phục khẩn trương và có hiệu quả).

- Chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, phương tiện trang thiết bị dụng cụ, thuốc, hoá chất để đáp ứng kịp thời khi có tình huống cấp cứu, tìm kiếm cứu nạn cũng như xử lý môi trường, phòng chống dịch bệnh trong và sau thiên tai.

- Trước, trong và sau khi xảy ra thiên tai, yêu cầu người dân nghiêm chỉnh chấp hành các hướng dẫn của chính quyền địa phương, cơ quan chức năng; đồng thời tự giác tham gia cùng chính quyền địa phương, ban, ngành, đoàn thể khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra.

Phần II: ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG

I. Đặc điểm dân sinh, kinh tế, xã hội và cơ sở hạ tầng trên địa bàn.

1. Đặc điểm tự nhiên:

1.1. Vị trí địa lý:

Tổng diện tích tự nhiên huyện Kbang là 184.243,33 ha; địa giới hành chính như sau:

- Phía Đông giáp với huyện An Lão, huyện Vĩnh Thạnh tỉnh Bình Định.
- Phía Tây giáp với huyện Đăk Đoa, huyện Mang Yang tỉnh Gia Lai; huyện Kon Rẫy tỉnh Kon Tum.
- Phía Nam giáp với huyện Đăk Pơ, thị xã An Khê tỉnh Gia Lai.
- Phía Bắc giáp với huyện Kon Plông tỉnh Kon Tum; huyện Ba Tơ tỉnh Quảng Ngãi.

1.2. Địa hình:

Huyện nằm ở sườn Đông Trường Sơn, địa hình tương đối phức tạp, bị chia cắt bởi nhiều sông suối, địa hình thấp dần từ Bắc (1.300m) xuôi về phía Nam (440m) và từ Tây (1.600m) sang Đông (800m). Địa bàn huyện phổ biến 03 dạng địa hình sau:

- Địa hình núi thấp trung bình: Phân bố ở phía Tây – Tây Bắc thuộc dãy Kon Ka Kinh, có độ cao trung bình 1.000 – 1.400m; cao nhất là đỉnh Kon Ka Kinh 1.708m; thấp nhất là vùng chân núi phía Nam giáp An Khê 500m.

- **Địa hình cao nguyên:** phân bố từ phía Đông huyện Kon Rẫy tỉnh Kon Tum tới phía Nam huyện giáp vùng trũng An Khê thuộc cao nguyên bazan cổ Kon Hà Nừng; và phía Tây theo thung lũng sông Ba giáp với vùng núi Kon Ka Kinh tới hết ranh giới phía Đông của huyện. Có độ cao trung bình từ 900-1.000m; thấp dần từ Bắc xuống Nam; ở giữa nhô cao và xuôi về 2 bên theo thung lũng sông Ba và sông Côn.

- **Địa hình vùng thấp:** Nằm về phía Nam huyện, giáp với vùng trũng An Khê với đặc trưng của địa hình bào mòn tích tụ do hoạt động xâm thực của sông Ba và các phụ lưu tạo thành.

1.3. Khí hậu:

Với vị trí địa lý có tính chất chuyển tiếp giữa vùng Tây Nguyên và Duyên hải miền Trung nên địa bàn huyện chịu ảnh hưởng của 2 vùng khí hậu nhiệt đới ẩm cao nguyên và Duyên hải miền Trung, nhiệt độ trung bình năm từ $21^{\circ}\text{C} - 23^{\circ}\text{C}$; có 2 mùa rõ rệt: mùa khô kéo dài bắt đầu từ tháng 12 đến tháng 5 năm sau, và mùa mưa ngắn hơn thường bắt đầu từ tháng 6 đến tháng 11 (với lượng mưa trung bình từ 1.500 – 2.000 mm).

1.4. Thủy văn:

Huyện Kbang có mật độ sông suối dày, phân bố không đồng đều; vùng núi và cao nguyên phía Bắc huyện là nơi bắt nguồn của 03 con sông lớn: sông Ba, sông Côn và sông Đăk Pnê.

2. Đặc điểm về dân sinh:

Huyện có 13 xã, 01 thị trấn; với tổng dân số là 17.985 hộ với 71.307 khẩu. Toàn huyện có 20 thành phần dân tộc, trong đó: dân tộc Kinh chiếm 51,73%; dân tộc Bahnar chiếm 40,34%; các dân tộc thiểu số khác chiếm 7,93%.

Năm 2021, số hộ nghèo toàn huyện là 2.590 hộ, chiếm tỷ lệ 14,4%; hộ cận nghèo là 3.005 hộ chiếm 16,71% (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2022-2025).

Tổng số nhà ở trên địa bàn huyện: 17.413 căn. Trong đó: Nhà ở kiên cố: 14.185 căn; Nhà ở bán kiên cố: 2.699 căn; Nhà ở thiếu kiên cố: 461 căn; Nhà ở đơn sơ: 68 căn. Huyện Kbang là huyện miền núi, nghèo; đa số nhà ở dân cư là nhà phi tiêu chuẩn (là nhà không được thiết kế và thi công theo các tiêu chuẩn và các quy định về quản lý xây dựng của Nhà nước). Do vậy, chủ yếu số lượng nhà ở không an toàn là 529 căn nhà (461 căn nhà ở thiếu kiên cố và 68 căn nhà ở đơn sơ).

3. Đánh giá về kinh tế, xã hội, cơ sở hạ tầng:

Năm 2021, tốc độ tăng giá trị sản xuất 8,01%. Cơ cấu giá trị sản xuất (theo giá hiện hành): Ngành nông-lâm-thủy sản chiếm: 48,05%; ngành công nghiệp - xây dựng chiếm: 26,17%; ngành dịch vụ chiếm: 25,78%. Thu nhập bình quân đầu người 39,125tr.đ/người/năm, đạt 93,15% kế hoạch, giảm 2,27% so với năm 2020. Bình quân tiêu chí đạt chuẩn NTM: 17,31 tiêu chí/xã.

Cơ sở vật chất hạ tầng được chú trọng đầu tư xây dựng mới, bảo dưỡng và nâng cấp các hạ tầng đã có, cụ thể:

- **Thủy lợi:** Có 40 công trình thủy lợi vừa và nhỏ, gồm: 01 công trình là trạm bơm điện, 05 công trình là hồ chứa, 33 công trình là đập dâng và cửa lấy nước. Phần lớn các đập dâng, trạm bơm xây dựng từ trước năm 2000, kết cấu đập là bê tông, đá xây. Việc chấp hành quy định pháp luật về quản lý an toàn đập không đầy đủ, các hư hỏng ở các hạng mục đầu mối không được sửa chữa kịp thời, năng lực của tổ chức, cá nhân quản lý khai thác các công trình không đáp ứng quy định, không có chuyên môn, chưa được đào tạo nghiệp vụ quản lý. Hiện nay nhiều công trình đã bị xuống cấp, hư hỏng, vận hành

khó khăn. Do vậy tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn trong mùa mưa lũ hàng năm. Cần tiến hành nâng cấp, sửa chữa các hư hỏng để đảm bảo an toàn.

- Nước sinh hoạt:

+ Có 54 công trình cấp nước nông thôn tập trung (53 công trình có công suất dưới 250 hộ sử dụng và 01 công trình cấp nước xã Đông – Nghĩa An có công suất trên 1.000 hộ sử dụng). Trong đó: 30 công trình hoạt động bền vững, 6 công trình tương đối bền vững, 10 công trình kém bền vững và 8 công trình không hoạt động. Các Công trình cấp nước cho đồng bào dân tộc thiểu số chủ yếu là hình thức lấy nước tự chảy bằng đập dâng, hệ thống đường ống dẫn đến bể chứa nước hoặc vòi công cộng. Các công trình cấp nước cho vùng sâu vùng xa, người dân còn nghèo không có điều kiện đóng tiền sử dụng nước; công trình thường có quy mô nhỏ, được giao cho UBND xã quản lý, cán bộ quản lý kiêm nhiệm thiếu chuyên môn nên công tác quản lý vận hành công trình cấp nước chưa đạt hiệu quả. Các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung, phần cụm đầu mối (công trình thu nước) thường xuyên chịu tác động của thiên tai gây hư hỏng về mùa mưa lũ và thiếu nước về mùa khô.

+ Có 02 công trình cấp nước đô thị (Nhà máy nước Đăk Lốp, Nhà máy nước dốc khảo sát) hiện đang hoạt động bình thường, đảm bảo nhu cầu sử dụng nước tại thị trấn Kbang.

- Điện: Hiện có 100% thôn, làng, tổ dân phố có điện lưới quốc gia; tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện thường xuyên, an toàn đạt 98%.

- Giáo dục:

+ Năm học 2021-2022, toàn huyện có 47 đơn vị trường học. Trong đó có 44 đơn vị trường học thuộc huyện quản lý với 545 lớp, 15.672 học sinh; chia ra 17 trường Mầm non (160 lớp, 4314 học sinh), 10 trường Tiểu học (155 lớp, 4364 học sinh); 17 trường THCS (trong đó TH&THCS: 09 trường, 102 lớp TH, 2605 học sinh; 52 lớp THCS, 1672 học sinh), THCS: 08 trường (76 lớp, 2717 học sinh).

+ Có 07 trường PTDT bán trú, 03 trường phổ thông có học sinh bán trú với 1.552 học sinh bán trú (giảm so với năm 2020-2021 523 học sinh). Việc huy động học sinh ra lớp, ổn định sĩ số, tổ chức dạy và học đúng kế hoạch thời gian và nhiệm vụ năm học.

- Văn hóa – thông tin:

+ Đã có 13/13 xã có nhà văn hóa và khu thể thao xã đạt chuẩn.

+ Đài truyền thanh truyền hình huyện đã phát thanh 2.585 giờ, đạt 100,12% kế hoạch, chuyển về Đài phát thanh-Truyền hình tỉnh 12 trang phát thanh, 12 trang truyền hình; gửi cộng tác 223 tin bài phát thanh, truyền hình. Chất lượng các chương trình đáp ứng nhu cầu văn hoá tinh thần và thông tin kịp thời cho nhân dân.

+ Bưu chính – viễn thông: trên địa bàn huyện có 01 bưu điện, 01 trung tâm viễn thông cơ bản đáp ứng nhu cầu của nhân dân.

- Y tế: Việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho ngành y tế được chú trọng. Toàn huyện có 180 giường bệnh (tại Trung tâm y tế 110 giường, tại các Trạm y tế xã 70 giường), đạt tỷ lệ 16,1 giường bệnh/vạn dân; 02 xe cấp cứu; 100% số xã có bác sĩ; 100% số xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế.

+ Về đội ngũ nhân viên y tế có 171 người, trong đó: 09 bác sĩ chuyên khoa I, 31 bác sĩ đa khoa, 26 y sĩ, 07 dược sĩ, 21 kỹ thuật viên, 38 điều dưỡng, 23 nữ hộ sinh, 16 hộ lý và nhân viên phục vụ (bệnh viện huyện: 104 cán bộ y tế, trạm y tế các xã: 67 cán bộ y tế) đạt tỷ lệ 5,9 bác sĩ/vạn dân.

+ Công tác khám, chữa bệnh được quan tâm, chất lượng phục vụ ngày càng tốt hơn. Đã thành lập 01 tổ cấp cứu lưu động cấp huyện để ứng phó sự cố, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa.

+ Trên địa bàn huyện có 55.961 người tham gia BHYT, đạt tỷ lệ 82,44%, đạt 89,43% so với kế hoạch đề ra; Có 2.445 người tham gia BHXH bắt buộc, 730 người tham gia BHXH tự nguyện, 1.799 người tham gia BHTN. Thực hiện chế độ, chính sách BHXH, BHYT kịp thời, đúng quy định; đã chi trả lương hưu và trợ cấp BHXH cho 1.473 đối tượng, với số tiền 62,812 tỷ đồng

- Về trật tự, an ninh: Tình hình an ninh chính trị được giữ vững, chỉ đạo thực hiện tốt công tác bám địa bàn cơ sở, tổ chức tuần tra, kiểm soát các vùng nhạy cảm về an ninh chính trị; thực hiện Quy chế phối hợp tuần tra, kiểm soát đảm bảo an ninh chính trị vùng giáp ranh.

II. Đánh giá về tình hình thiên tai thường xảy ra tại địa phương:

1. Các loại hình thiên tai do mưa lũ hoặc dòng chảy (bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, sụt lún đất):

Mùa mưa trên địa bàn bắt đầu từ tháng 7 đến tháng 10 hàng năm; tuy nhiên, trong những năm gần đây do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thời tiết diễn biến phức tạp hơn, không theo quy luật. Mặt khác, lượng mưa cũng thay đổi, ngày mưa lớn nhất có thể lên đến 250mm (năm 2016). Bên cạnh đó, bão mạnh, siêu bão có cấp gió 14-15 cũng góp phần gây ra lũ trên các sông suối vượt trên báo động cấp 3, gây thiệt hại rất nặng về người, tài sản nhà cửa, công trình cơ sở hạ tầng của nhà nước và nhân dân.

Lũ và ngập lụt: thường xảy ra cục bộ một số nơi vùng trũng nhưng không kéo dài, hầu như năm nào cũng xảy ra. Ở các vùng bãi bồi ven sông Ba (khu vực phía Nam huyện) thường bị ngập với thời gian ngập từ 1/2 ngày đến 1 ngày. Những năm có lũ lớn thì thời gian ngập kéo dài từ 2 ngày đến 3 ngày, hầu hết các khu vực canh tác của nhân dân bị thiệt hại hoàn toàn.

Lũ quét: thường xảy ra ở nơi có độ dốc lớn, khi cường độ mưa lớn mà đường thoát nước bất lợi; lũ quét thường phát sinh bất ngờ, xảy ra trong phạm vi hẹp nhưng rất khốc liệt, gây tổn thất nghiêm trọng về người và của. Các xã phía Bắc của huyện là khu vực dễ xảy ra lũ quét và sạt lở đất.

Sạt lở đất: thường xảy ra kèm theo lũ quét tại các khu vực có độ dốc lớn hoặc các vùng ven suối, ven sông Ba (khu vực hạ du hồ chứa Kanak thuộc thủy điện An Khê – Kanak)

2. Mưa đá, lốc xoáy, sấm sét:

Mưa đá thường xảy ra trong mùa khô, khi trời có các cơn dông mạnh và đi kèm với mưa rào cường độ lớn trong khoảng thời gian tương đối ngắn. Hầu hết các trận mưa đá trên địa bàn huyện có kích cỡ hạt đá nhỏ, kéo dài từ 5-15 phút, thường gây hư hại trên hoa màu, cây ăn quả, cà phê, tiêu....

Trong trường hợp mưa đá kèm theo lốc xoáy, sấm sét có thể gây ảnh hưởng mạnh đến các công trình kiến trúc, nhà cửa, phương tiện giao thông...

Các xã phía Bắc (Đăk Rong, Krong) thường xuất hiện mưa đá; các xã phía Nam, Tây Nam (Kông Long Khong, Tơ Tung, Lơ Ku) thường xuất hiện lốc xoáy.

3. Nắng nóng kéo dài và hạn hán:

Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu toàn cầu, thời gian gần đây địa bàn thường xuyên xảy ra hạn hán, các đợt nắng nóng kéo dài gây nhiều thiệt hại về đời sống sinh hoạt và sản xuất của nhân dân.

Khu vực phía Nam, Tây Nam huyện thường xuyên bị ảnh hưởng bởi hạn hán gồm có các xã: Đông, Nghĩa An, Kông Bờ La, Đắk Hlơ, Kông Long Khong, Tơ Tung, Lơ Ku và thị trấn Kbang.

Địa bàn huyện thường xảy ra hạn hán vào đầu tháng 3 và kéo dài đến hết tháng 5; đôi khi xảy ra vào tháng 6, tháng 7, tháng 8;

Phần III: CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Căn cứ Luật Phòng chống thiên tai năm 2013;
- Nghị định 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ “Quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Phòng, chống thiên tai”;
- Quyết định số 44/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ “quy định chi tiết về cấp độ rủi ro thiên tai”;
- Quyết định số 46/2014/QĐ-TTg ngày 15/08/2014 của Thủ tướng Chính phủ “quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai”;
- Kế hoạch Phòng, chống thiên tai giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn huyện Kbang;
- Kế hoạch số 599/KH-UBND ngày 30/03/2022 của UBND tỉnh về kế hoạch phòng, chống thiên tai tỉnh gia lai năm 2022

Phần IV: NỘI DUNG VÀ BIỆN PHÁP ỨNG PHÓ TỪNG LOẠI THIÊN TAI

I. Công tác cảnh báo, truyền tin:

1.1. Đơn vị thực hiện truyền thông tin:

Phòng Văn hóa thông tin chỉ đạo Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao huyện phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng các bản tin ngắn có nội dung cảnh báo thiên tai, và thực hiện truyền tin về tình hình thiên tai (mưa, lũ, sạt lở đất, mưa đá, sấm sét, dông, lốc xoáy,...) trên khu vực.

1.2. Hình thức truyền thông:

- Thu và phát sóng các bản tin thời tiết của Đài Trung ương và Tỉnh.
- Truyền thông tin từ huyện đến các xã, thị trấn, cộng đồng dân cư qua hệ thống truyền thanh của địa phương.
- Chuyển tải các văn bản chỉ đạo của Trung Ương, Tỉnh, Huyện đến nhân dân.

1.3. Nội dung thông tin:

- Các bản tin về thời tiết trên khu vực, các bản tin về cảnh báo cấp độ nguy hiểm.
- Các bản tin khuyến cáo nhân dân kiểm tra, gia cố, chằng chống nhà cửa, neo đậu phương tiện.
- Các bản tin về một số kỹ năng phòng vệ bản thân và gia đình.

II. Công tác chỉ huy tại chỗ:

- UBND huyện quán triệt, chỉ đạo UBND cấp xã, các cơ quan, đơn vị củng cố kiện toàn BCH phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của đơn vị mình theo quy định.
- Khi sự cố thiên tai xảy ra, Trưởng ban chỉ huy PCTT và TKCN huyện là người

chỉ huy cao nhất, được quyền điều động lực lượng, phương tiện, chỉ huy các đơn vị phối hợp thực hiện ứng phó.

- Căn cứ vào tình huống thiên tai xảy ra trên địa bàn, quyết định kiện toàn BCH PCTT và TKCN huyện (quyết định số 669/QĐ-UBND ngày 12/4/2022) và phân công nhiệm vụ của các thành viên BCH PCTT và TKCN huyện (Thông báo số 01/TB-BCHPCTT ngày 13/4/2022), quy chế hoạt động của BCH PCTT và TKCN huyện (quyết định số 02/QĐ-BCHPCTT ngày 18/4/2022) các thành viên BCH PCTT và TKCN huyện chủ động tham mưu và thực hiện nhiệm vụ của mình trong công tác PCTT và TKCN khi có tình huống thiên tai xảy ra.

- Trong trường hợp vượt quá khả năng của địa phương, BCH PCTT và TKCN huyện báo cáo BCH PCTT và TKCN tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh để hỗ trợ, chi viện.

(Có biểu 1 kèm theo)

III. Bảo vệ công trình trọng điểm và các công trình phòng, chống thiên tai:

- **Đơn vị thực hiện:** Khi nhận được thông tin cảnh báo thiên tai, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện căn cứ chức năng nhiệm vụ của đơn vị chủ động bố trí lực lượng đảm bảo an toàn cho các khu vực trọng điểm như: nhà cửa, công sở, bệnh viện, trường học, công trình và cơ sở kinh tế, an ninh, quốc phòng;...

- **Nội dung thực hiện:**

+ Công tác bảo vệ công trình trọng điểm như: kiểm tra và gia cố công trình, bảo vệ các thiết bị điện tử, các thiết bị ngoài trời, neo, chằng các thiết bị trên cao như ăng ten, trạm thu phát sóng, trạm biến áp,...

+ Tuyên truyền cho nhân dân nhận thức tầm quan trọng và lợi ích thiết thực của việc đảm bảo an toàn các công trình trọng điểm trong phòng, chống thiên tai.

+ Khi phát hiện công trình trọng điểm hoặc công trình phòng, chống thiên tai mất an toàn, phải báo cáo nhanh Trưởng ban PCTT và TKCN huyện để kịp thời xử lý.

IV. Tổ chức ứng phó với các loại hình thiên tai: bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy;

1. Sơ tán, bảo vệ người, tài sản, bảo vệ sản xuất:

Ban chỉ huy PCTT và TKCN cấp huyện, cấp xã chủ động nắm bắt diễn biến thiên tai, rà soát các khu vực nguy hiểm cần sơ tán, số người cần sơ tán và các điểm sơ tán đến, các điểm tạm cư,.... Vận động nhân dân tự cứu mình, không trông chờ, ỷ lại vào chính quyền, địa phương.

Trong trường hợp khẩn cấp cần phải di dời cả khu vực dân cư, BCH Quân sự phối hợp với các lực lượng huy động tại chỗ tổ chức sơ tán, bảo vệ người, tài sản, bảo vệ sản xuất.

1.1. Bảo vệ sản xuất:

a. Đối với trồng trọt:

- Khuyến cáo, hướng dẫn nhân dân nhanh chóng thu hoạch các nông sản khi đã đến kỳ thu hoạch trước khi thiên tai xảy ra, với phương châm "xanh nhà hơn già đồng".

- Khơi thông dòng chảy ở các mương, cống, kênh xung quanh khu vực sản xuất để việc thoát nước được dễ dàng, tránh gây úng, ngập.

b. Đối với nuôi trồng thủy sản:

- Đối với hình thức nuôi cá truyền thống: Trước khi mưa, bão xảy ra, người dân

cần kiểm tra, gia cố, tu bổ bờ ao; ao nuôi phải thiết kế ống xả tràn khi nước trong ao quá lớn; phát quang quanh ao tránh trường hợp gió lớn làm đổ ngã cây gây vỡ bờ; Chủ động chuẩn bị lưới, đăng chắn, cọc tre để cắm khi nước tràn hoặc vỡ bờ tránh thất thoát cá nuôi.

- *Đối với hình thức nuôi lồng, bè trên sông:* Cần gia cố lồng bè vững chắc, di chuyển về nơi neo giữ an toàn, kín gió, có dòng chảy nhẹ để tránh vỡ lồng. Vệ sinh lồng sạch sẽ và thông thoáng để việc lưu thông dòng chảy được nhanh hơn. Những nơi có dòng chảy lớn dùng tấm phen, bạt che chắn phía trước lồng nuôi làm giảm dòng chảy trực tiếp vào lồng.

c. Đối với chăn nuôi:

- Gia cố chuồng trại chăn nuôi đảm bảo trước khi thiên tai xảy ra. Chủ động di dời gia súc, gia cầm, vật nuôi đến nơi an toàn, không để gia súc, gia cầm chết đói, chết rét; không để gia súc gần các khu vực dễ bị sạt lở, ngập úng và lũ cuốn trôi.

d. Đối với các loại hình sản xuất khác:

- Chằng chống, che chắn các thiết bị sản xuất tránh để nước mưa, dòng chảy làm hư hỏng thiết bị, nguyên, nhiên vật liệu.

- Vận động chủ các cơ sở sản xuất chủ động thực hiện các biện pháp tự bảo vệ tài sản, thiết bị.

1.2. Bảo vệ con người, sơ tán dân:

- Tập trung triển khai biện pháp bảo đảm an toàn cho người, đặc biệt đối tượng dễ bị tổn thương (*người già, trẻ em, phụ nữ mang thai, phụ nữ nuôi con dưới 12 tháng, người khuyết tật, người bệnh hiểm nghèo*) trong tình huống thiên tai khẩn cấp;

- Tập kết vật tư dự phòng (*rọ thép, đá học, nhà bạt, phao cứu sinh các loại ...*) và huy động lực lượng thanh niên xung kích, dân quân địa phương tại các địa bàn trọng điểm để triển khai công tác di dân.

- Xác định phương án sơ tán tại chỗ (*bố trí di dời hộ có nhà tạm, thiếu kiên cố sang các hộ có nhà kiên cố*) hay sơ tán tập trung (*di dân đến các điểm tạm cư*).

- Tổ chức lực lượng di dân đến nơi sơ tán, kiên quyết di dời các hộ dân nằm trong các khu vực nguy hiểm cố tình không chịu di dời, áp dụng các biện pháp cưỡng chế khi có cảnh báo nguy hiểm đến tính mạng người dân.

- Hướng dẫn nhân dân chuẩn bị và mang theo các thực phẩm, nước uống và nhu yếu phẩm để sử dụng trong thời gian thiên tai xảy ra.

- Kiểm tra, tổ chức các điểm tạm cư chu đáo an toàn, hỗ trợ lương thực, thuốc chữa bệnh, nước uống và nhu yếu phẩm khác.

- Công việc này phải được hoàn thành trước 6 giờ so với thời điểm dự báo xảy ra thiên tai trực tiếp ảnh hưởng đến địa bàn.

2. Bảo đảm an ninh trật tự, giao thông, thông tin liên lạc;

- Lực lượng Công an phối hợp với Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Ban quản lý hạ tầng giao thông đô thị và các lực lượng huy động tại chỗ tổ chức các biện pháp bảo vệ an ninh trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ các công trình trọng điểm liên quan đến quốc phòng, an ninh; đảm bảo giao thông thông suốt.

- Bố trí các tổ, đội, nhóm chốt chặn tại các khu vực xung yếu, các tuyến đường nguy hiểm dễ xảy ra sạt lở đất, ngập sâu, nơi có dòng nước chảy xiết, các khu vực cầu treo, cầu dây có nguy cơ đứt, sập... để giám sát, hướng dẫn và chủ động thực hiện việc hạn chế

hoặc cấm người, phương tiện đi vào khu vực nguy hiểm.

- Bố trí lực lượng tại các khu vực tạm cư nhằm ngăn ngừa và phát hiện, xử lý các đối tượng xấu lợi dụng tình hình thiên tai để trộm cắp, cướp giật.

- Tổ chức lực lượng tuần tra, kiểm soát giao thông nhằm phát hiện sớm và xử lý kịp thời các sự cố về giao thông như: sạt lở đất, cây cối đổ ngã chắn ngang đường, sập cầu hoặc cầu dây, cầu treo bị đứt,...

- Bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống thiên tai.

- Yêu cầu các thành viên trong BCH PCTT và TKCN cấp huyện, cấp xã giữ thông tin liên lạc bằng điện thoại hoặc bộ đàm, thường xuyên thông tin, báo cáo tình hình, diễn biến công tác PCTT và TKCN để có hướng xử lý kịp thời.

V. Tổ chức ứng phó với các loại hình thiên tai: mưa đá, lốc xoáy, sấm sét

Mưa đá, lốc xoáy, sét là hiện tượng thời tiết bất thường, xảy ra vào mùa khô, thường xảy ra trong thời gian ngắn, trên phạm vi nhỏ (thôn, làng, tổ dân phố), khó dự đoán nên rất khó phòng tránh, chủ yếu là khắc phục thiệt hại do loại thiên tai này gây ra.

1. Đối với nhân dân cần thực hiện biện pháp bảo vệ người, bảo vệ sản xuất:

1.1. Mưa đá:

- Cần thường xuyên theo dõi thông tin thời tiết để sớm biết có khả năng xảy ra mưa đá và luôn chuẩn bị sẵn các phương án trú, tránh an toàn cho người, vật nuôi và hạn chế tác hại của mưa đá đối với các vật dụng, đồ dùng, máy móc,... nếu nó xảy ra.

- Với cây trồng hoặc hoa màu dễ bị nát dập, có thể dựng giàn che dọc theo luống, và nên làm giàn dạng mái hình tam giác sẽ giúp giảm tác động của hạt mưa đá khi va chạm, đá sẽ rơi xuống hai bên luống cây mà không đâm thủng giàn che, chú ý dựng cọc chống phải chắc chắn.

- Thường xuyên chằng chống nhà cửa, gia cố mái nhà để phòng chống mưa đá.

- Nếu đang đi ngoài đường mà gặp sự cố thiên tai nêu trên, nên lập tức dừng lại tìm chỗ trú ẩn an toàn như nhà kiên cố, tránh núp dưới tán cây, các nhà tạm bợ dễ bị ngã đổ gây tai nạn, đội mũ bảo hiểm để tránh mưa đá rơi vào đầu, chờ đã trên đường tan hết mới tiếp tục đi để tránh trơn ngã.

1.2. Lốc xoáy:

- Thường xuyên theo dõi thông tin thời tiết để sớm biết có khả năng xảy ra lốc xoáy và luôn chuẩn bị sẵn các phương án trú, tránh an toàn cho người, vật nuôi và hạn chế tác hại của lốc xoáy đối với các vật dụng, đồ dùng, máy móc,... nếu nó xảy ra.

- Chằng chống nhà cửa để tăng độ vững chắc nhằm đề phòng lốc xoáy. Nếu nhà ở lợp bằng lá, tôn tráng kẽm, fibro xi măng, ngói có thể dằn lên mái nhà các loại thanh nẹp bằng gỗ, sắt, dây kẽm cỡ lớn hoặc các bao chứa cát để hạn chế tốc mái khi có lốc xoáy, khi làm các loại nhà gỗ ván phải có bu long hoặc đinh đóng liên kết chặt giữa các kết cấu như xà gồ với các vì kèo và cột, liên kết chặt giữa chân cột với móng hoặc nền nhà.

- Khi có hiện tượng xảy ra lốc xoáy phải nhanh chóng đóng và nẹp các loại cửa sổ, nhất là cửa mở về hướng gió.

- Chặt tỉa cành, nhánh của các cây cao, dễ gãy đổ, mục rỗng, nằm gần nhà ở, lưới điện...;

- Khi xảy ra lốc xoáy mọi người phải tìm những nơi trú ẩn an toàn như các nhà kiên cố, tránh núp dưới bóng cây, nhà tạm bợ dễ bị ngã đổ gây tai nạn.

1.3. Sấm sét:

- Khi đang ở nơi không an toàn thì cần phải để ý đến các dấu hiệu của dông như mây đen, không khí lạnh, gió.

- Thực hiện nguyên tắc nhìn – nghe: Khi sét xảy ra, thường thấy tia chớp lóe lên ở điểm nào đó trên bầu trời, sau đó là tiếng sấm kèm theo. Nếu khoảng thời gian giữa lúc có chớp đến lúc nghe thấy sấm càng ngắn, thì sét sẽ xuất hiện ở vị trí càng gần ta, tức là mức độ nguy hiểm tăng. Khi đó cần nhanh chóng tìm cách tránh sét.

- Khi ở trong nhà nên đứng xa cửa sổ, cửa ra vào, các đồ dùng điện, tránh các chỗ ẩm ướt như buồng tắm, bể nước, vòi nước, không nên dùng điện thoại trừ trường hợp rất cần thiết. Nên rút phích cắm các thiết bị điện khi dông tố bắt đầu.

- Các đường dây điện thoại hay dây điện, vì nối với lưới bên ngoài, nên rất có thể bị ảnh hưởng sét đánh lan truyền. Nên tránh xa các dây này và các vật dùng điện, giữ khoảng cách ít nhất là 1m. Cần rút ăng-ten ra khỏi tivi khi có dông.

- Nếu ở ngoài trời, tuyệt đối không dùng cây cối làm chỗ trú mưa, tránh các khu vực cao hơn xung quanh, tránh xa các vật dụng kim loại như xe đạp, máy, hàng rào sắt. Nên tìm chỗ khô ráo, nếu xung quanh có cây cao hơn thì nên tìm chỗ thấp.

- Đảm bảo thân người ở vị trí càng thấp càng tốt, tay ôm cổ, phần tiếp xúc của người với mặt đất càng ít càng tốt. Nên nhón chân, không được nằm xuống đất. Đặc biệt, không đứng thành nhóm người gần nhau.

- Đứng xa các vật cao, ra ngay khỏi những nơi chứa nước như ao, hồ, ruộng. Các vùng đỉnh núi hay sườn núi nhô cao cũng rất nguy hiểm. Nếu ở trong rừng thì tìm những nơi cây thấp hơn và thưa để tránh.

2. Đối với chính quyền:

- Tuyên truyền, phổ biến những kỹ năng cơ bản để phòng tránh thiên tai; khuyến cáo không nên ra đường trong khi xảy ra mưa đá, lốc xoáy, sấm sét;

- Tuyên truyền, vận động đến các hộ dân có nhà kiên cố tiếp nhận những người dân trú ẩn khi xảy ra lốc xoáy với tinh thần tương thân, tương trợ lẫn nhau.

- Khuyến khích người dân cần thường xuyên kiểm tra tình trạng của mái nhà và gia cố lại mái, nên sử dụng các loại vật liệu làm mái có thể chống chịu với va đập.

- Khi trời mưa lớn kèm theo dông, cần sơ tán người già và trẻ em ra khỏi những căn nhà tạm bợ, đến những nơi an toàn, vững chắc hơn. Bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản của Nhà nước và nhân dân tại khu vực xảy ra thiên tai.

- Huy động lực lượng dân quân, du kích, Đoàn thanh niên và các tổ chức khác giúp nhân dân dựng lại nhà cửa, lợp mái, động viên nhân dân sớm ổn định tinh thần, phát huy "bốn tại chỗ", đề ra các giải pháp giúp nhân dân khắc phục hậu quả.

VI. Tổ chức ứng phó với loại hình thiên tai: nắng nóng kéo dài, hạn hán:

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo:

- Thực hiện tốt công tác cảnh báo và truyền tin về diễn biến hạn hán, nắng nóng kéo dài để người dân chủ động sử dụng nước tiết kiệm, hợp lý trong đời sống và sản xuất;

- Giao chỉ tiêu, kế hoạch sản xuất phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và kế hoạch cấp trên giao.

- Chỉ đạo các ngành chức năng phối hợp UBND các xã, thị trấn thực hiện chủ trương đào ao, xây dựng hồ chứa nhỏ để tích nước phục vụ chống hạn ở những nơi có điều kiện phù hợp.

- Đầu tư xây dựng mới, sửa chữa các công trình thủy lợi nhằm nâng cao hiệu quả phục vụ tưới tiêu; .

- Chỉ đạo các cơ quan ngành Nông nghiệp và PTNT huyện hướng dẫn UBND các xã, thị trấn chuyển đổi và bố trí cơ cấu cây trồng phù hợp, sử dụng các loại giống cây trồng thích hợp, sử dụng ít nước, có khả năng chịu hạn cao, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất, biện pháp canh tác, biện pháp phòng trừ sâu bệnh và phòng chống hạn.....;

- Chỉ đạo Trạm Quản lý thủy nông huyện khẩn trương sửa chữa các công trình thủy lợi, nâng cao hiệu quả phục vụ, đặc biệt là bảo dưỡng, nâng cấp công trình hồ chứa để đảm bảo chứa nước theo dung tích thiết kế; tăng cường công tác quản lý, xây dựng quy trình vận hành, kế hoạch điều tiết nước tưới phù hợp với từng giai đoạn sinh trưởng, phát triển của từng loại cây trồng của từng công trình thủy lợi; đảm bảo sử dụng nước hợp lý, tiết kiệm, có hiệu quả.

- Ban hành các văn bản khuyến cáo nông dân không được trồng cây lúa nước tại những khu vực không chủ động được nước tưới.

- Chỉ đạo UBND các xã, thị trấn thành lập Ban chỉ đạo sản xuất cấp xã, phân công cán bộ công chức trực tiếp hướng dẫn nông dân tiếp tục thực hiện việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên địa bàn nói chung, đất trồng lúa kém hiệu quả nói riêng theo quy hoạch sản xuất đã được bố trí, đánh giá thích nghi cho từng vùng sinh thái đối với các loại cây trồng cạn; đồng thời sơ kết đánh giá, rút ra bài học kinh nghiệm.

2. Giải pháp chống hạn:

2.1. Biện pháp công trình:

- Thực hiện chế độ tưới luân phiên đối với tất cả các công trình thủy lợi tưới từng khu, khu nào đảm bảo cho cây trồng rồi thì đắp kỹ bờ vùng bờ thửa lại để tránh thất thoát nước, rồi chuyển sang tưới cho khu vực khác; kế hoạch luân phiên phụ thuộc vào diện tích và hệ thống kênh mương của từng công trình

- Sửa chữa các hư hỏng, chống thất thoát nước của các công trình đã có.

- Xây dựng các công trình mới như: đào ao tích nước, các đập tạm để tận dụng nguồn nước từ các khe suối nhỏ.

- Khắc phục các hiện tượng rò rỉ nước, nạo vét kênh mương, khơi thông dòng chảy, nhằm hạn chế thất thoát nước.

- Chuẩn bị máy móc, nhiên liệu để bơm chống hạn khi hạn hán xảy ra.

2.2. Biện pháp phi công trình:

- Tranh thủ điều kiện thời tiết thuận lợi để gieo trồng, sử dụng giống có khả năng chịu hạn cao.

- Chuyển đổi diện tích thường xuyên bị hạn sang các loại cây trồng khác.

- Bố trí thời vụ, cơ cấu giống phù hợp với điều kiện thời tiết.

- Thường xuyên kiểm tra, thông báo cho nông dân về tình hình mực nước, lịch cung cấp nước của các công trình thủy lợi để nhân dân chủ động sản xuất

- Bố trí khu vực gần sông, suối có đủ nguồn nước cho chăn nuôi gia súc.

- Vận hành cấp nước hợp lý; ưu tiên cấp nước sinh hoạt; sử dụng tiết kiệm, chống thất thoát nước;

- Xây dựng kế hoạch và thực hiện hiện điều tiết tưới phù hợp với từng giai đoạn sinh trưởng, phát triển của từng loại cây trồng.

- Tăng cường công tác bảo vệ rừng, trồng rừng sản xuất, phòng chống cháy rừng nhằm giảm thiểu thiệt hại tài nguyên rừng để bảo vệ nguồn nước;

Phần V: LỰC LƯỢNG, PHƯƠNG TIỆN, HẬU CẦN

1. Sơ tán dân ra khỏi khu vực nguy hiểm:

- Tùy vào tình hình thiên tai cụ thể, Ban chỉ huy PCTT và TKCN huyện chỉ đạo Ban chỉ huy PCTT và TKCN cấp xã, UBND cấp xã tổ chức thực hiện sơ tán dân đến các điểm sơ tán an toàn đã bố trí, đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản cho nhân dân.

(Có biểu 2 kèm theo)

2. Huy động lực lượng tại chỗ:

- Thực hiện theo phương châm "4 tại chỗ", huy động mọi nguồn nhân lực từ Dân quân tự vệ, Thanh niên xung kích, Tổ tự quản, các Hội nông dân, Hội phụ nữ, Hội cựu chiến binh, Hội chữ thập đỏ, cán bộ, công chức viên chức trong các cơ quan, đơn vị ... phát huy sức mạnh toàn dân để xử lý sự cố.

- Tùy theo tình huống, diễn biến và mức độ ảnh hưởng, thiệt hại của thiên tai, BCH PCTT và TKCN huyện quyết định điều động và phân công, bố trí lực lượng để chi viện cho các xã theo yêu cầu

(Có biểu 3 kèm theo)

3. Vật tư, phương tiện và kinh phí tại chỗ.

- Về vật tư, phương tiện:

+ Trước khi thiên tai xảy ra cần rà soát, đánh giá tình trạng hoạt động của các trang thiết bị, vật tư có sẵn tại địa phương; đồng thời, chủ động bố trí kinh phí mua sắm, dự phòng các vật tư cần thiết.

+ Tùy vào tình huống thiên tai cụ thể xảy ra ở các khu vực, trường ban chỉ huy PCTT và TKCN sẽ quyết định điều động, phân bổ, cấp phát cho các đơn vị ứng cứu cho phù hợp.

(Có biểu 4 kèm theo)

- Về kinh phí:

+ Quỹ Phòng, chống thiên tai: Khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra và các hạng mục khác theo quy định;

+ Ngân sách địa phương: Hỗ trợ theo quy định hiện hành và được có thẩm quyền phê duyệt;

+ Ngoài ra, sử dụng hiệu quả nguồn lực hỗ trợ từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, nguồn kinh phí tài trợ, hợp tác của các tổ chức phi Chính phủ.

4. Hậu cần tại chỗ:

- Trước khi thiên tai xảy ra: Ban chỉ huy PCTT và tìm kiếm cứu nạn huyện chủ động xây dựng phương án dự trữ năng lượng (xăng, dầu, gas,...) và nhu yếu phẩm (thức ăn, nước uống, thuốc men) đảm bảo sử dụng ít nhất trong 03 ngày.

+ Tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân dự trữ năng lượng, nhu yếu phẩm tại hộ gia đình đảm bảo sử dụng từ 3-5 ngày.

(Có biểu 5 kèm theo)

+ Trung tâm y tế huyện xây dựng kế hoạch dự trữ thuốc men, các phương tiện cần thiết để chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Đảm bảo dự phòng ít nhất 03 cơ sở thuốc và

dụng cụ y tế để phục vụ công tác cấp cứu lưu động.

(Có biểu 6 kèm theo)

- Trong thiên tai: Ưu tiên cung cấp đủ năng lượng đã dự phòng cho công tác ứng phó và cứu hộ.

+ Cung cấp đầy đủ nhu yếu phẩm cho các tổ đội, đơn vị ứng phó thiên tai khi họ đang thực hiện nhiệm vụ.

+ Hỗ trợ, cấp phát nhu yếu phẩm cho các hộ gia đình.

+ Tổ chức các tổ, đội y tế cơ động để sơ cứu, chữa trị kịp thời trong các tình huống thiên tai ảnh hưởng đến sinh mạng con người.

(Có biểu 7, 8 kèm theo)

5. Khắc phục hậu quả thiên tai:

5.1. Khắc phục hậu quả do mưa đá, lốc xoáy, sấm sét do mưa, lũ:

- Tiếp tục triển khai công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu trợ,

- Hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, nhu yếu phẩm thiết yếu khác và hỗ trợ tâm lý để ổn định đời sống của người dân;

- Thực hiện vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh ở khu vực bị tác động của thiên tai;

- Thực hiện các biện pháp quản lý giá, bình ổn thị trường;

- Bố trí lực lượng giúp nhân dân sửa chữa, khôi phục nhà ở; nâng cấp công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, thông tin, thủy lợi, điện lực, trường học, cơ sở y tế và công trình hạ tầng công cộng;

- Hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư, trang thiết bị, nhiên liệu thiết yếu khác để phục hồi sản xuất;

- Thống kê, đánh giá thiệt hại, nhu cầu cứu trợ, hỗ trợ và đề xuất phương án khắc phục hậu quả theo quy định tại Thông tư liên tịch số 43/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT.

- Xác định mức độ thiệt hại báo cáo Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh đề nghị hỗ trợ trong trường hợp vượt quá khả năng của chính quyền địa phương.

5.2. Khắc phục hậu quả do hạn hán:

- Hướng dẫn nhân dân sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

- Cấp các dụng cụ, vật chứa, tích trữ và hướng dẫn xử lý nước để sinh hoạt, ...

- Cứu trợ, hỗ trợ nước uống, nước sinh hoạt, lương thực, thực phẩm cho người dân vùng bị hạn hán bằng cách: chở nước sạch từ nơi khác đến, bơm luân phiên,...

- Đầu tư tìm kiếm các nguồn nước mới, xây dựng công trình nước sinh hoạt,....

- Thực hiện vệ sinh môi trường ở khu vực bị hạn hán, nắng nóng kéo dài, phòng chống dịch bệnh phát sinh.

- Thống kê, đánh giá thiệt hại, đề xuất các biện pháp cứu trợ, hỗ trợ (giống cây trồng, vật nuôi, vật tư, trang thiết bị, nhiên liệu thiết yếu khác để phục hồi sản xuất);

- Xác định mức độ thiệt hại báo cáo Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh đề nghị hỗ trợ trong trường hợp vượt quá khả năng của chính quyền địa phương.

Phần VI: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với BCH PCTT và TKCN cấp huyện:

- Văn phòng thường trực BCH PCTT và TKCN huyện (*Phòng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn huyện*) chủ trì, phối hợp với BCH Quân sự huyện (*phụ trách về công tác cứu hộ, cứu nạn huyện*) hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc BCH PCTT và TKCN các xã, thị trấn triển khai thực hiện kế hoạch này; tham mưu đề xuất cho UBND huyện điều chỉnh, bổ sung kế hoạch khi cần thiết.

- Trưởng Ban chỉ huy Quân sự huyện (*phó ban phụ trách công tác cứu hộ, cứu nạn*); Trưởng Công an huyện (*phó trưởng ban chỉ huy PCTT và TKCN huyện*) và các thành viên BCH PCTT và TKCN huyện, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của đơn vị và nhiệm vụ đã được phân công, chủ động phối hợp thực hiện trong các tình huống thiên tai.

2. Đối với UBND xã, thị trấn và các Hội, Đoàn thể, Ban ngành huyện

- Có trách nhiệm phổ biến, triển khai thực hiện phương án này tại địa phương và đơn vị mình; đồng thời thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

- Các tổ chức, lực lượng đứng chân trên địa bàn huyện thực hiện sự điều động, chỉ đạo của Chủ tịch UBND và Trưởng ban BCH PCTT và TKCN các cấp; đảm bảo cơ chế chỉ huy tập trung, thống nhất trong công tác chuẩn bị, ứng phó và khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra theo từng cấp độ rủi ro thiên tai được kịp thời, nhanh chóng, an toàn và hiệu quả.

3. Đối với người dân trên địa bàn

- Đối với các hộ dân đã ký cam kết tham gia công tác PCTT. Thực hiện đúng các nội dung đã cam kết khi tham gia công tác PCTT. Tích cực, chủ động, và tự nguyện tham gia PCTT khi có lệnh huy động của Trưởng ban chỉ huy PCTT và TKCN.

- Đối với các hộ còn lại cần tuân thủ hướng dẫn của chính quyền địa phương khi thiên tai xảy ra.

Trên đây là kế hoạch PCTT và TKCN năm 2022 trên địa bàn huyện, đề nghị các các đoàn thể xã, huyện; các đơn vị lực lượng vũ trang đứng chân trên địa bàn huyện và UBND các xã, thị trấn, các phòng, ban, ngành huyện; các đơn vị quản lý và khai thác các công trình thủy lợi, thủy điện; các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- TT UBND huyện;
- Văn phòng thường trực BCH PCTT tỉnh;
- Các thành viên BCH PCTT và TKCN huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu VP, VT, TH.

Nguyễn Văn Dũng

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Dũng

Biểu 1: DANH SÁCH THÀNH VIÊN BCH PCTT VÀ TKCN
(Kèm theo kế hoạch số 669/KH-UBND ngày 23/5/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Kbang)

Stt	Họ và tên	Chức vụ cơ quan	Chức vụ BCH PCTT và TKCN	Số ĐT di động	Đơn vị phụ trách
1	Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch UBND huyện	Trưởng ban	0905 030 089	Phụ trách chung
2	Lê Thanh Sơn	Phó Chủ tịch UBND huyện	Phó trưởng ban thường trực	0983 533 158	Phụ trách chung
3	Mã Văn Tình	Trưởng phòng Nông nghiệp và PTNT huyện;	Phó trưởng ban phụ trách PCTT	0986 783 147	Xã Nghĩa An
4	Mai Thế Hiền	Chỉ huy trưởng BCH Quân sự huyện	Phó trưởng ban phụ trách cứu hộ, cứu	0963 244 677	Xã Kon Phe
5	Nguyễn Đức Hoàng	Trưởng Công an huyện;	Phó trưởng ban	0983 690 003	Xã Tơ Tung
6	Nguyễn Thị Định	Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện	Ủy viên	0915 727 101	
7	Nguyễn Quang Toàn	Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện	Ủy viên	0905 425 562	Xã Đắk Rong
8	Lương Văn Hòa	Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện	Ủy viên	0988 853 814	Xã Đông
9	Phan Anh Khoa	Phó trưởng (phụ trách) phòng TN và MT huyện	Ủy viên	0963 199 317	Xã Krong
10	Đinh Đình Chi	Trưởng phòng Văn hoá và Thông tin huyện	Ủy viên	0388 936 399	Xã Đắk Hlơ
11	Lê Duy Kiên	Trưởng phòng Lao động TB và XH huyện	Ủy viên	0986 387 347	Xã Đắk Smar
12	Lê Thanh Hải	Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo huyện	Ủy viên	0905 458 170	Xã Kông Long Khong
13	Tạ Đức Hưng	Trưởng Trạm Quản lý Thủy nông huyện	Ủy viên	0905 124 419	Xã Sơ Pai
14	Hồ Thị Khánh Hương	Giám đốc Bưu điện huyện Kbang	Ủy viên	0946 530 246	Xã Kông Bờ La
15	Ngô Văn Toàn	Phó Giám đốc phụ trách Điện lực huyện Kbang	Ủy viên	0962 167 777	Xã Sơn Lang
16	Vũ Trung Hiếu	Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Kbang	Ủy viên	0905 219 509	Xã Lơ Ku
17	Cao Cự Minh	Phó trưởng ban phụ trách BQL hạ tầng, giao thông, đô	Ủy viên	0903 512 889	Thị trấn Kbang
18	Nguyễn Hồng Lai	Giám đốc trung tâm viễn thông Đắk Pơ - Kbang	Ủy viên	0913 469 445	
19	Vũ Quang Sáng	Hạt trưởng Hạt kiểm lâm huyện	Ủy viên	0913 457 078	
20	Nguyễn Thành Trung	Trưởng Ban quản lý rừng phòng hộ Xã Nam	Ủy viên	0986 372 682	
25	Nguyễn Văn Hợi	Giám đốc Công ty TNHH MTV LN Sơ Pai	Ủy viên	0364 203 159	
26	Hồ Ngọc Thọ	Giám đốc công ty TNHH MTV LN Krông Pa	Ủy viên	0914 269 357	
27	Đoàn Văn Hợi	Giám đốc công ty TNHH MTV LN Lơ Ku	Ủy viên	0981 153 319	

Stt	Họ và tên	Chức vụ cơ quan	Chức vụ BCH PCTT và TKCN	Số ĐT di động	Đơn vị phụ trách
28	Nguyễn Văn Thân	Giám đốc công ty TNHH MTV LN Hà Nùng;	Ủy viên	0986 620 344	
29	Đàm Văn Tích	Phó Giám đốc (phụ trách) công ty TNHH MTV LN	Ủy viên	0977 376 684	
30	Nguyễn Minh Sự	Giám đốc công ty TNHH MTV LN Đắk Roong;	Ủy viên	0989 634 349	
31	Dương Thanh Bình	Giám đốc công ty TNHH MTV LN Ka Nak;	Ủy viên	0905 378 599	
32	Trịnh Viết Ty	Giám đốc BQL khu BTTN Kon Chư Răng;	Ủy viên	0975 292 571	
21	Nguyễn Văn Thanh	Giám đốc CTCP thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh	Ủy viên	0913 407 553	
22	Đặng Văn Tuấn	Giám đốc công ty thủy điện An Khê – Ka Nak	Ủy viên	0914 116 117	
23	Phạm Văn Trung	Giám đốc Công ty cổ phần đầu tư xây dựng thủy điện	Ủy viên	0912 525 591	
24	Đặng Dầu An	Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gia Lâm	Ủy viên	0979 133 060	
33	Vũ Văn Hải	Chủ tịch Ủy ban mặt trận Tổ Quốc Việt Nam huyện;	Ủy viên	0935 527 864	
34	Đinh Thị Triết	Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ Nữ huyện;	Ủy viên	0981 125 393	
35	Đinh Thị Toại	Bí thư Huyện Đoàn;	Ủy viên	0387 658 856	
36	Hà Thanh Trung	Chủ tịch Hội chữ thập đỏ huyện;	Ủy viên	0975 004 569	



Biểu 2: PHƯƠNG ÁN SƠ TÁN DÂN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

(Kèm theo kế hoạch số 669 /KH-UBND ngày 23 /5/ 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Khang)

Stt	Khu vực cần sơ tán	Số người cần sơ tán	Nơi sơ tán đến	Quy mô của nơi sơ tán đến	Số lượng người có thể sơ tán đến	Phương tiện sơ tán	Đường sơ tán	Ghi chú
I Lũ quét, ngập lụt do xả lũ, ngập lụt do mưa lớn								
1	Xã Nghĩa An							
1.1	Thôn 1	50	Nhà văn hóa xã	01 phòng bán kiên cố, diện tích 200 m ²	120	Xe máy, xe tải	Đường trục thôn	
1.2	Thôn 2	120	Trường TH Bùi Thị Xuân	03 phòng, diện tích 50 m ² /phòng	500	Xe máy, xe tải	Đường trục thôn	
1.3	Thôn 3	90	Trường Mẫu giáo xã Nghĩa An	04 phòng, diện tích 50m ² /phòng	300	Xe máy, xe tải	Đường trục thôn	
1.4	Làng Lok	150	Nhà đa năng THCS Lê Hồng Phong	01 phòng, diện tích 250m ²	90	Xe máy, xe tải	Đường trục thôn	
2	Xã Đắk Hlơ							
2.1	Thôn 1	180	Hội trường UBND xã	01 nhà bán kiên cố, diện tích 1.000 m ²	180	Xe máy	Đường liên huyện đến TT xã	
2.2	Thôn 2	200	Hội trường UBND xã		200	Xe máy	Đường từ TT xã đến thôn 2	
2.3	Thôn 3	50	Nhà văn hóa thôn 3	01 phòng bán kiên cố, diện tích 100 m ²	50	Xe máy	Đường cấp phối	
3	Xã Sơ Pài							
3.1	Thôn 1	50	Nhà văn hoá thôn 1	01 phòng bán kiên cố, diện tích 102 m ²	50	Xe máy	Đường liên xã	
4	Xã Lơ Ku							
4.1	Thôn 1, thôn 2 dọc theo suối Tơ Kân	600	Nhà văn hoá thôn 1, thôn 2 Trường THCS bán trú cấp 1-2	Tổng Diện tích 2500m ² 15 phòng học, diện tích 50m ² /phòng	600	Xe máy Xe ô tô	Liên xã, nội thôn	
4.2	Làng Lơ VI	100	Nhà rừng làng Lơ vi 02 cái Điểm trường mẫu giáo Lơ Ku	Diện tích 200m ² 02 phòng học, diện tích 50m ² /phòng	100	Xe máy Đi bộ	Liên xã, nội thôn	

Stt	Khu vực căn sơ tán	Số người cần sơ tán	Nơi sơ tán đến	Quy mô của nơi sơ tán đến	Số lượng người có thể sơ tán đến	Phương tiện sơ tán	Đường sơ tán	Ghi chú
4.3	Thôn 1 (làng Drang cũ)	50	Nhà rông làng Drang	Diện tích 100m2	100	Xe máy	Liên xã, nội thôn	
5	Xã Kông Long Khong							
5.1	Làng Mơ Tôn	250	Trường THCS Kông Long Khong và Trường Tiểu học Kông Long Khong	12 phòng, diện tích 48m2/phòng	200	Xe ô tô, xe máy	Đường trung tâm xã	
5.2	Làng Kdầu	25		10 phòng, diện tích 36,6m2	100	Xe ô tô, xe máy	Đường trung tâm xã	
6	Xã Tơ Tung							
6.1	Làng Đồng Tâm	40	Ban quản lý rừng phòng hộ xã Nam	3 phòng, diện tích 30m2/phòng	50	Xe ô tô	Đường nội làng Đầm Tâm	
6.2	Làng Trường Sơn	20	Trường Trung học cơ sở Tơ Tung	3 phòng, diện tích 48m2/phòng	70	Xe ô tô	Đường Trường Sơn Đông	
6.3	Làng Đắk Pơ Kao	25	Trường Tiểu học Đê Bar	6 phòng học, diện tích 48m2/phòng	200	Xe ô tô	Đường trục xã đi làng Đắk Pơ Kao	
6.4	Làng Cao Sơn	15	Trường Tiểu học Hoàng Hoa Thám	9 phòng học, diện tích 48m2/phòng	300	Xe ô tô	Đường Trường Sơn Đông	
7	Xã Đông							
7.1	Thôn 4	100	Hội trường thôn 7 (cũ), Nhà văn hóa làng Đắk Giang II	Nhà cấp 4, 02 phòng, diện tích 400m2	300	Xe máy	Đường nội thôn, đường 669	
7.2	Thôn 5	150	Hội trường thôn 8 (cũ)	Nhà cấp 4, 01 phòng, diện tích 200m2	150	Xe máy	Đường nội thôn, đường 669	
8	Xã Krong							
8.1	Làng Tăng Lăng	60	Điểm trường mẫu giáo làng Tăng Lăng	Nhà cấp 4, 02 phòng, diện tích 100m2	60	Xe máy	Đường nội thôn	
8.2	Làng Tung Gút	100	Điểm trường mẫu giáo làng Tung Gút	Nhà cấp 4, 02 phòng, diện tích 100m2	100	Xe máy	Đường nội thôn	
8.3	Làng Hro	50	Điểm trường mẫu giáo làng Hro	Nhà cấp 4, 02 phòng, diện tích 100m2	50	Xe máy	Đường nội thôn	



SĐT	Khu vực cần sơ tán	Số người cần sơ tán	Nơi sơ tán đến	Quy mô của nơi sơ tán đến	Số lượng người có thể sơ tán đến	Phương tiện sơ tán	Đường sơ tán	Ghi chú
9 Xã Kông Bơ La								
9.1	Làng Lọt	50	Nhà rộng làng Lọt	Nhà thiếu kiên cố, diện tích 80 m ²	50	Xe tải	Đường liên thôn	
9.2	Thôn 3	40	Nhà văn hóa thôn	Nhà thiếu kiên cố, diện tích 80 m ²	40	Xe tải	Đường liên thôn	
9.3	Thôn 1	30	Nhà văn hóa thôn	Nhà bán kiên cố, diện tích 90 m ²	30	Xe tải	Đường liên thôn	
10 Xã Đăk Rong								
10.1	Làng Hà Dưng 1	200	- Nhà văn hóa làng Hà Dưng - Điểm trường MG làng Hà Dưng	- Nhà cấp 4, diện tích 50m ² - 01 phòng học bán kiên cố, diện tích 50m ²	200	Đi bộ	Đường nội thôn, làng	
10.2	Làng Kon Bông	437	Nhà văn hóa làng Kon Bông	- Nhà cấp 4, 02 phòng, diện tích 100m ² /phòng	437	Đi bộ	Đường nội thôn, làng	
10.3	Làng Kon Lanh	49	Nhà văn hóa thôn Suối U	- Nhà bán kiên cố, diện tích 100m ²	49	Đi bộ	Đường nội thôn, làng	
11 Xã Đăk Smar								
11.1	Thôn 1	205	Nhà văn hóa và điểm trường làng Đăk Kmunng (cũ)	03 phòng, diện tích 100m ² /phòng	205	Xe máy, đi bộ	Đường liên thôn	
		321	Nhà văn hóa và điểm trường làng Cam (cũ)	03 phòng, diện tích 100m ² /phòng	321	Xe máy, đi bộ	Đường liên thôn	
11.2	Làng Krói	645	Nhà văn hóa và điểm trường làng Krói	06 phòng, diện tích 50 - 100m ² /phòng	645	Xe máy, đi bộ	Đường liên thôn	
11.3	Thôn 2	248	Trường PTDT bán trú TH & THCS Đăk Smar	10 phòng, diện tích 80m ² /phòng	248	Xe máy, đi bộ	Đường liên thôn	
12 Thị trấn Kbang								
12.1	KDC dọc Sông Ba TDP 12, làng Groi	100	Điểm trường Mẫu giáo làng Groi	Nhà cấp 4, diện tích 160m ²	50	Xe máy, đi bộ	Đường liên thôn	
			Nhà văn hóa TDP 12	Nhà cấp 4, 01 phòng, diện tích 40m ²	50	Xe ô tô	Đường liên thôn	

2

Stt	Khu vực cần sơ tán	Số người cần sơ tán	Nơi sơ tán đến	Quy mô của nơi sơ tán đến	Số lượng người có thể sơ tán đến	Phương tiện sơ tán	Đường sơ tán	Ghi chú
II Sạt lở đất								
1	Thị trấn Kbang							
1.1	KDC sau đổi thông - TDP 10.	10	Nhà văn hóa TDP 10	Nhà cấp 4, 01 phòng, diện tích 40m2	40	Xe ô tô	Đường liên thôn	
1.2	KDC Suối Đăk Lốp - TDP 4	20	Nhà Rông Làng Nak	Nhà cấp 4, 01 phòng, diện tích 40m3	20	Xe ô tô	Đường liên thôn	
1.3	KDC dọc Sông Ba TDP 13	10	Nhà văn hóa TDP 13	Nhà cấp 4, 01 phòng, diện tích 40m4	10	Xe ô tô	Đường liên thôn	
1.4	KDC Trung Tu - TDP4	20	Nhà văn hóa TDP 4	Nhà cấp 4, 01 phòng, diện tích 40m4	20	Xe máy, ô tô	Đường liên thôn	
1.5	KDC dọc Sông Ba TDP 12, làng Groi	20	Nhà văn hóa TDP 12	Nhà cấp 4, 01 phòng, diện tích 40m5	20	Xe ô tô	Đường liên thôn	
2	Xã Đăk Hlơ							
2.1	Thôn 1	25	Nhà văn hóa thôn 1	0 phòng bán kiên cố, diện tích 100 m2	25	Xe máy	Đường BTXM trực thôn 1	
2.2	Thôn 2	20	Hội trường UBND xã	01 phòng bán kiên cố, diện tích 1.000 m2	20	Xe máy	Đường TT xã đi thôn 2	
2.3	Thôn 3	20	Nhà văn hóa thôn 3	01 phòng bán kiên cố, diện tích 100 m2	20	Xe máy	Đường cấp phối	
3	Xã Lơ Ku							
3.1	Làng Chơch	50	Nhà văn hoá làng Chơch	diện tích 100m2	100	Xe máy	Đường nội thôn	
4	Xã Kông Bờ La							
4.1	Làng Lọt	40	Nhà rông làng Lọt	Nhà có diện tích 80m2	40	Xe tải	Đường liên thôn	
5	Xã Đăk Rong							

Sst	Khu vực cần sơ tán	Số người cần sơ tán	Nơi sơ tán đến	Quy mô của nơi sơ tán đến	Số lượng người có thể sơ tán đến	Phương tiện sơ tán	Đường sơ tán	Ghi chú
5.1	Làng Hà Dùng 2	265	Nhà rông làng Hà Dùng 2	- 01 phòng, diện tích 50 m2	265	Đi bộ	Đường nội thôn, làng	
5.2	Làng Hà Dùng 1	722	Nhà rông làng Hà Dùng 1	- 02 phòng, diện tích 50 m2/phòng	722	Đi bộ	Đường nội thôn, làng	
5.3	Làng Kon Trang	286	Nhà rông làng Kon Trang	- 02 phòng, diện tích 50 m2/phòng	286	Đi bộ	Đường nội thôn, làng	
5.5	Làng Kon Von 1	228	Nhà rông làng Kon Von 1	- Nhà thiếu kiên cố, diện tích 50 m2	228	Đi bộ	Đường nội thôn, làng	
5.6	Làng Kon Lốc 2	189	Nhà rông làng Kon Lốc 2	- Nhà thiếu kiên cố, diện tích 50 m2	189	Đi bộ	Đường nội thôn, làng	
6	Xã Kon Phe							
6.1	Làng Kon Hleng	40	Nhà rông văn hóa	1 phòng bán kiên cố, diện tích 250 m2	300	Xe máy, đi bộ	Đường liên thôn	
		30	Điểm trường làng Kon Hleng	1 phòng bán kiên cố, diện tích 100 m2	100	Xe máy, đi bộ	Đường liên thôn	
6.2	Làng Kon Ktonh	52	Nhà văn hóa làng Kon Ktonh	1 phòng bán kiên cố, diện tích 250 m2	400	Xe máy, đi bộ	Đường liên thôn	
		48	Trường PTDT BT Tiểu học & THCS Kon Phe	7 phòng kiên cố, diện tích 50 m2/phòng	600	Xe máy, đi bộ	Đường liên thôn	
6.3	Làng Kon Kring	15	Điểm trường làng Kon Kring	2 phòng, diện tích 50 m2/phòng	130	Xe máy, đi bộ	Đường liên thôn	
		30	Nhà văn hóa làng Kon Kring	1 phòng bán kiên cố, diện tích 200 m2	200	Xe máy, đi bộ	Đường liên thôn	
III Lốc xoáy, mưa đá, sấm sét								
1	Xã Nghĩa An							
1.1	Thôn 1	50	Nhà văn hóa xã	01 phòng bán kiên cố, diện tích 200 m2	120	Xe máy, xe tải	Đường trục thôn	
1.2	Thôn 2	120	Trường TH Bùi Thị Xuân	03 phòng, diện tích 50 m2/phòng	500	Xe máy, xe tải	Đường trục thôn	

Sst	Khu vực cần sơ tán	Số người cần sơ tán	Nơi sơ tán đến	Quy mô của nơi sơ tán đến	Số lượng người có thể sơ tán đến	Phương tiện sơ tán	Đường sơ tán	Ghi chú
1.3	Làng Lơk	150	Nhà đa năng THCS Lê Hồng Phong	01 phòng, diện tích 250m2	90	Xe máy, xe tải	Đường trục thôn	
2	Xã Đắk Hlơ							
2.1	4/4 thôn, làng	250	- Trường TH & THCS Đắk Hlơ - Nhà văn hóa xã	- 01 nhà kiên cố, diện tích 1.000 m2 - 01 phòng bán kiên cố, diện tích 1.000 m2	250	Xe máy	Đường BTXM, đường cấp phối	
3	Xã Sơ Pai							
3.1	Thôn 2	40	Nhà văn hoá thôn	01 phòng, diện tích 102 m2	90	Xe máy	Đường liên xã	
3.2	Làng Buôn Lưới	50	Điểm trường làng Buôn Lưới	3 phòng học, diện tích 40m2/phòng	100	Xe máy	Đường liên xã	
3.3	Làng Tơ Kơ	70	Nhà văn hoá xã	01 phòng, diện tích 140 m2	130	Xe máy	Đường liên xã	
4	Xã Lơ Ku							
4.1	Làng Lơ Vi	100	Nhà rông làng Lơ vi 02 cái	Diện tích 300 m2	200	Xe máy	Đường nội thôn	
5	Xã Tơ Tung							
5.1	Làng Cao Sơn	170	Trường Tiểu học Hoàng Hoa Thám	18 phòng học, diện tích 48m2/phòng	800	Xe ô tô	Đường Trường Sơn Đông	
5.2	Làng Đàm Khong	200	Trường Tiểu học Hoàng Hoa Thám	21 phòng học, diện tích 48m2/phòng	800	Xe ô tô	Đường Trường Sơn Đông	
6	Xã Đông							
6.1	Thôn 6	150	Điểm trường thôn 10 (cũ), Nhà văn hóa làng Bróch (cũ)	3 phòng, diện tích 150m2/phòng	250	Xe máy	Đường Trường Sơn Đông	
7	Xã Kông Bờ La							



Sst	Khu vực căn sơ tán	Số người căn sơ tán	Nơi sơ tán đến	Quy mô của nơi sơ tán đến	Số lượng người có thể sơ tán đến	Phương tiện sơ tán	Đường sơ tán	Ghi chú
7.1	Thôn 2	60	Nhà văn hóa thôn Tuchrân (cũ)	Nhà bán kiên cố, diện tích 90m ²	60	Xe tải	Đường liên thôn	
7.2	Làng Lọt	40	Nhà rông làng Lọt	Nhà có diện tích 80m ²	40	Xe tải	Đường liên thôn	
7.3	Thôn 3	40	Nhà rông làng Groi (cũ)	Nhà có diện tích 80m ²	40	Xe tải	Đường liên thôn	
7.4	Làng Briêng	50	Nhà rông làng Briêng	Nhà có diện tích 80m ²	50	Xe tải	Đường liên thôn	
8	Xã Sơn Lang							
8.1	Làng Sắt	453	Nhà văn hóa làng và điểm trường làng	Nhà kiên cố, chất lượng tốt	453	Xe máy, đi bộ	Đường nội làng	
8.2	Làng Đắk Asêl	342	Nhà văn hóa làng và điểm trường làng	Nhà kiên cố, chất lượng tốt	342	Xe máy, đi bộ	Đường nội làng	
8.3	Thôn Thống Nhất	25	Hội trường UBND xã Sơn Lang	01 phòng kiên cố, diện tích 200m ²	25	Xe máy, đi bộ	Đường nội làng	
9	Xã Đắk Rong							
9.1	Làng Hà Đùng 2	265	Nhà rông làng Hà Đùng 2	- 01 phòng, diện tích 50 m ²	265	Đi bộ	Đường nội thôn, làng	
9.2	Làng Kon Trang	286	Nhà rông làng Kon Trang	- 02 phòng, diện tích 50 m ² /phòng	286	Đi bộ	Đường nội thôn, làng	
9.3	Làng Kon Lanh Te	258	Nhà rông làng Kon Lanh Te	- 01 phòng, diện tích 50 m ²	258	Đi bộ	Đường nội thôn, làng	
9.4	Làng Kon Lanh	562	Nhà văn hóa thôn Suối U	- Nhà bán kiên cố, diện tích 100m ²	562	Đi bộ	Đường nội thôn, làng	
9.5	Làng Kon Von 1	228	Nhà rông làng Kon Von 1	- Nhà thiếu kiên cố, diện tích 50 m ²	228	Đi bộ	Đường nội thôn, làng	
9.6	Làng Kon Von 2	207	Nhà rông làng Kon Von 2	- Nhà thiếu kiên cố, diện tích 50 m ²	207	Đi bộ	Đường nội thôn, làng	
10	Xã Krong							

W

Stt	Khu vực cần sơ tán	Số người cần sơ tán	Nơi sơ tán đến	Quy mô của nơi sơ tán đến	Số lượng người có thể sơ tán đến	Phương tiện sơ tán	Đường sơ tán	Ghi chú
10.1	Làng Hro	50	Điểm trường mẫu giáo làng Hro	Nhà cấp 4, 02 phòng, diện tích 40m2/phòng	50	Xe máy	Đường nội làng	
10.2	Làng Kléch	20	Điểm trường mẫu giáo làng Kléch	Nhà cấp 4, 02 phòng, diện tích 40m2/phòng	20	Xe máy	Đường nội làng	
10.3	Làng Đăk Bok	40	Điểm trường mẫu giáo làng Đăk Bok	Nhà cấp 4, 02 phòng, diện tích 40m2/phòng	40	Xe máy	Đường nội làng	

Biểu 3: LƯC LƯỢNG DỰ KIẾN HUY ĐỘNG TẠI CHỖ

(Kèm theo kế hoạch số **663** /KH-UBND ngày **23** /5/ 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Khang)

STT	Xã, Thị trấn	Lực lượng					Tổ, đội xung kích		Tổ, đội cấp cứu lưu		Ghi chú
		Tổng	BCH quản sự xã	Dân quân tự vệ	Công an	Các Hội, đoàn thể, thanh niên tình nguyện, doanh nghiệp...	Số lượng tổ, đội	Số thành viên	Số lượng tổ, đội	Số thành viên	
1	Thị trấn Khang	311	2	55	34	220	1	97			
2	Xã Đông	372	5	61	6	300	1	65			
3	Xã Nghĩa An	110	6	28	6	70	1	58			
4	Xã Đắk Hlơ	21	5	4	4	8	1	61			
5	Xã Kông Bơ La	286	6	25	5	250	1	25			
6	Xã Kông Long Khong	190	12	48	10	120	1	35			
7	Xã Tơ Tung	210	10	40	10	150	1	75			
8	Xã Lơ Ku	182	12	88	12	70	1	38			
9	Xã Krong	385	2	30	10	343	1	75			
10	Xã Đắk Smar	220	3	60	7	150	1	11			
11	Xã Sơ Pai	111	8	21	7	75	1	75	1	9	
12	Xã Sơn Lang	247	12	43	14	178	1	94			
13	Xã Đắk Rong	210	2	93	18	97	1	20			
14	Xã Kon Pnè	281	3	60	8	210	1	24			
TỔNG CỘNG		3.136	88	656	151	2.241	14	753	1	9	

Biên 4: VẬT TƯ, TRANG THIẾT BỊ TẠI CHỖ

(Kèm theo kế hoạch số 669/KH-UBND ngày 23/5/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Kbang)

Stt	Tên cơ quan đơn vị	Phao áo cứu sinh (chiếc)	Phao tròn cứu sinh (chiếc)	Bè phao (chiếc)	Nhà bạt các loại khác (chiếc)	Ca nô (chiếc)	Lò nấu tay (chiếc)	Máy phát điện (chiếc)	Dây bơi (m)	Máy định vị (chiếc)	Máy cưa cầm tay các loại (chiếc)	Máy bơm nước các loại (chiếc)	Dầm sắt I 350 (chiếc)	Đèn pin (chiếc)	Máy đào, mức (chiếc)	Ô tô các loại	Xe máy (chiếc)	Biển cảnh báo	Các phương tiện khác (cuốc, rựa, xẻng, xà beng, dao,...)	Ghi chú
1	Thị trấn Kbang	46	12													12	200		125	Các phương tiện như máy móc, máy đào, ô tô tải các loại, xe máy,... và các vật dụng cuốc, xẻng... huy động từ nhân dân, doanh nghiệp trên địa bàn cấp xã.
2	Xã Đông	40	6				4								2	15	50		50	
3	Xã Nghĩa An	41	2													7	30			
4	Xã Đắk Hlơ	40	2													8			40	
5	Xã Kông Bờ La	30												3		3	20			
6	Xã Kông Long Khong	29	2				1	1							1	16				
7	Xã Tơ Tung	24	2				10								1	14				
8	Xã Lơ Ku	33	2				2				1			10	2	8	35	8	20	
9	Xã Krong	35					4	2						6						
10	Xã Đắk Smar	37	2					1						6		1		15		
11	Xã Sơ Pai	21	1				8								2	13		4		
12	Xã Sơn Lang	37	2				3								4	14			10	
13	Xã Đắk Rong	36	2				1	1							3	9	120		110	
14	Xã Kôn Pnê	23	7				4	1				28		20	1	1	10	12	95	

11

Stt	Tên cơ quan đơn vị	Phao áo cứu sinh (chiếc)	Phao tròn cứu sinh (chiếc)	Bè phao (chiếc)	Nhà bạt các loại khác (chiếc)	Ca nô (chiếc)	Loa cầm tay (chiếc)	Máy phát điện (chiếc)	Dây bơi (m)	Máy định vị (chiếc)	Máy cửa cầm tay các loại (chiếc)	Máy bơm nước các loại (chiếc)	Dầm sắt I 350 (chiếc)	Đèn pin (chiếc)	Máy đào, mức	Ô tô các loại	Xe máy (chiếc)	Biển cảnh báo	Các phương tiện khác (cuốc, rựa, xẻng, xà beng, dao,...)	Ghi chú
15	Công an huyện	20	10			1														
16	BCH Quân sự huyện	26	47		5			1	300							2				
17	BCH PCTT và TKCN huyện	23	8	1	1		1													
18	Phòng KT&HT												8							
19	Phòng TN&MT									3										
20	Công ty TB An Khê - Kanak	8	10			1														Huy động
21	Ban quản lý KBTTN Kon Chư Răng				2			1			1									Huy động
22	Công ty TNHH MTV LN Sơ Pai							1			1	1								Huy động
23	Điện lực Khang	4	2					1			2			4		1				Huy động
	TỔNG CỘNG	553	119	1	8	2	38	10	300	3	33	1	8	49	16	124	465	39	450	

BIỂU 5-DƯ TRƯ NHU YẾU PHẨM

(Kèm theo kế hoạch số 669 /KH-UBND ngày 23 /5/ 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Kbang)

STT	Xã, thị trấn	Lương thực, thực phẩm				Nhiên liệu				Vật liệu			
		Mỳ ăn liền (thùng)	Lương khô (thùng)	Gạo (tấn)	Nước uống đóng chai (thùng)	Bắp ngô (tấn)	Xăng (lít)	Dầu diezen (lít)	Dầu hoả (lít)	Tôn lợp (m2)	Cát (m ³)	Đá (m ³)	Gạch xây (viên)
1	Thị trấn Kbang	10	84	26	3	65	290	180	66	1.150	210	210	105.000
2	Xã Đông	3.300	-	25	1.120	-	450	700	-	-	60	50	2.000
3	Xã Nghĩa An	89	60	14	28	18	130	120	120	750	180	130	4.500
4	Xã Đắk Hlơ	550	25	5,5	100	1	150	90	20	-	50	-	-
5	Xã Kông Bờ La	1.670	-	21	800	-	550	300	-	-	80	60	2.400
6	Xã Kông Long Khong	250	-	170	85	15	2.000	3.000	500	600	40	100	6.000
7	Xã Tư Tung	260	-	45	330	45	510	385	178	-	-	-	-
8	Xã Lơ Ku	100	20	5	100	10	200	300	20	600	200	300	5.000
9	Xã Krong	175	175	1	218	-	50	30	20	-	-	-	-
10	Xã Đắk Smar	40	19	2	69	-	210	175	125	500	19	15	2.400
11	Xã Sơ Pai	250	-	30	250	45	450	250	150	-	-	-	-
12	Xã Sơn Lang	100	-	0,5	-	-	100	100	50	-	-	-	-
13	Xã Đắk Rong	150	100	10	150	5	300	150	200	1.000	60	100	5.000
14	Xã Kon Pne	72	19	11	134	-	425	205	115	600	26	18	2.700
	TỔNG CỘNG	7.016	502	366	3.387	204	5.815	5.985	1.564	5.200	925	983	135.000

Biểu 6: DANH MỤC 01 CƠ SỞ THUỐC VÀ DỤNG CỤ Y TẾ**(sử dụng cho 01 tổ cấp cứu lưu động)***(Kèm theo kế hoạch số 669 /KH-UBND ngày 23 /5/ 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Khang)*

Stt	Tên thuốc vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
I	Danh mục của 1 cơ sở thuốc			
1	Amoxicilin 0,5 g	Viên	500	
2	Ofloxacin 200mg	Viên	100	
3	Paracetamol 500mg	Viên	500	
4	Paracodein	Viên	300	
5	Berberin 0,05g	Viên	200	
6	Oresol 4,1g (pha trong 1.000 ml nước)	Gói	100	
7	Vitamin C 0,1g	Viên	500	
8	Gentamycin 0,3% 5ml	Lọ	10	
9	Tinidazol 500mg	Viên	100	
10	Povidon iod 10%	Lọ	5	
11	Băng cuộn	Cuộn	20	
12	Gạc miếng (10x10cm)	Miếng	100	
13	Bông thấm nước 100g	Gói	2	
14	Cloramin B 0,5g	Gói hoặc viên	500	
II	Danh mục của 1 cơ sở dụng cụ y tế			
1	Ống nghe tim phổi	Cái	2	
2	Panh Kôcher 18 cm có máu	Cái	2	
3	Kéo thẳng đầu tù 18 cm	Cái	1	
4	Bơm tiêm 10ml nhựa	Cái	3	
5	Bơm tiêm 20 ml nhựa	Cái	3	
6	Bơm tiêm 5 ml nhựa	Cái	10	
7	Nhiệt kế	Cái	5	
8	Huyết áp kế đồng hồ	Cái	2	
9	Khay Inox đựng dụng cụ	Cái	1	

Biểu 7: DANH SÁCH THÀNH VIÊN TỔ CẤP CỨU LƯU ĐỘNG
(Kèm theo kế hoạch số **669** /KH-UBND ngày **23** /5/ 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Kbang)

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	SĐT	Ghi chú
1	Vũ Trung Hiếu	Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Kbang	Bác sĩ chuyên khoa I	0905219509	Tổ trưởng
2	Nguyễn Quyết Thắng	Trưởng phòng KH-TV	Bác sĩ đa khoa	0904677978	Tổ phó
3	La Thế Công	Nhân viên Khoa khám bệnh	Bác sĩ đa khoa	0396573253	Tổ viên
4	Nguyễn Huy Bình	Nhân viên khoa ngoại	Kỹ thuật viên gây mê hồi sức	0985433338	Tổ viên
5	Lữ Đức Thanh Hùng	Nhân viên khoa Khám bệnh	Bác sĩ đa khoa	0985884986	Tổ viên
6	Nguyễn Đức Hùng	Nhân viên khoa Ngoại	Y sĩ đa khoa	0972041560	Tổ viên
7	Trương Thị Thu Hòa	Nhân viên khoa Dược	Dược sĩ tổng hợp	0989537479	Tổ viên
8	Nguyễn Xuân Hoạt	Nhân viên lái xe cứu thương	Lái xe	0988611733	Tổ viên

Biểu 8: THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG NHÂN VIÊN Y TẾ
(Kèm theo kế hoạch số 669 /KH-UBND ngày 23 /5/ 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Kbang)

STT	Đơn vị	Số lượng giường bệnh	Số lượng nhân viên y tế						Điều dưỡng	Hộ sinh	Hộ lý và nhân viên phục vụ
			Tổng	Bác sỹ CK I	Bác sỹ Đa khoa	Y sỹ	Dược sĩ	Kỹ thuật viên			
1	Bệnh viện huyện	110	104	9	17	10	7	8	24	13	16
3	Trạm Y tế xã, thị trấn	70	67	0	14	16	0	13	14	10	
	TỔNG CỘNG	180	171	9	31	26	7	21	38	23	16

